# HD 5/11 EX PLUS CLASSIC

Chắc chắn và nhỏ gọn! Máy với thiết kế nhỏ gọn bao gồm đầu xi-lanh bằng đồng thau, một đầu phun xoáy và một guồng cuốn dây phun áp lực cao.

WORLD'S NO. 1 PRESSURE WASHER BRAND

0-1 h

1 x 360° EASY!Lock

AUTO SHUTDOWN

| Mã đặt hàng | 1.520-801.0 |
|---|---|

- Đầu xi-lanh bằng đồng thau bền bỉ và piston bằng thép không gỉ phủ ceramic
- Cuộn ống dây với ống cao áp gia cố bằng thép
- Vòi phun quay

## Thông số kỹ thuật

| | | |
|---|---|---|
| | | 4066529027757 |
| **Số pha** | **Ph** | 1 |
| **Điện áp** | **V** | 200 – 240 |
| **Tần số** | **Hz** | 50 |
| **Lưu lượng** | **l/h** | 500 |
| **Nhiệt độ nước vào tối đa** | **°C** | 60 |
| **Áp lực vận hành** | **bar** | 110 |
| **Áp lực tối đa** | **bar** | 160 |
| **Công suất** | **kW** | 2,2 |
| **Loại béc phun tiêu chuẩn** | | 036 |
| **Đầu cấp nước vào** | | 3/4" |
| **Tính cơ động** | | Xe đẩy |
| **Màu sắc** | | Màu than |
| **Trọng lượng chưa gắn phụ kiện** | **Kg** | 21 |
| **Trọng lượng bao gồm bao bì** | **Kg** | 26,54 |
| **Kích thước (D × R × C)** | **mm** | 334 × 366 × 954 |

## Phạm vi cung cấp

**Đầu phun xoáy**

**Thân súng.**: 840 mm

**Chiều dài dây phun áp lực cao**: 8 m

## Thiết bị

**Bơm hướng trục ba pít-tông**: Pít-tông thép không gỉ

**Cuộn ống áp lực cao tích hợp sẵn**

**Ngắt áp lực**

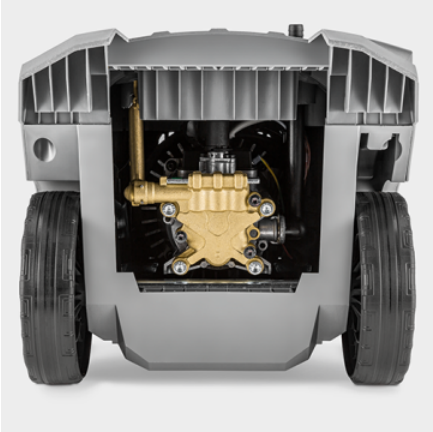

### Ít hao mòn và tuổi thọ dài

- Đầu xi-lanh với vật liệu đồng thau chất lượng cao
- Piston bằng thép không gỉ phủ ceramic.
- Giảm áp tự động.

### Phụ kiện chất lượng cao

- Vòi phun quay chuyên nghiệp.
- Ống cao su chắc chắn với lớp lưới gia cố bằng thép
- Súng cao áp chuyên nghiệp với van bằng thép không gỉ.

### Nhiều tùy chọn lưu trữ

- Giá để lưu trữ vòi phun.
- Cuộn dây ống thủ công.
- Móc treo tích hợp.

HD 5/11 EX Plus Classic, 1.520-801.0, 2026-10-23

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

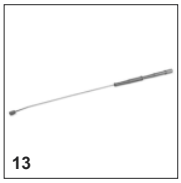
13

14

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **THANH PHUN** | | | | |
| **Thanh phun có thể xoay** | | | | |
| Ống phun, 840 mm, Xoay | 1 | 4.112-006.0 | Ống thép không gỉ 850 mm (khớp nối thủ công) với tay cầm tiện dụng để dễ sử dụng và bảo vệ. Xoay 360° dưới áp lực. | ■ |
| Jet pipe TR 1050mm with package, 1050 mm | 2 | 4.119-008.0 | | ☐ |
| Jet pipe TR 600mm with package, 600 mm | 3 | 4.119-009.0 | | ☐ |
| Jet pipe Classic TR 100mm, 100 mm | 4 | 4.119-013.0 | | ☐ |
| Jet pipe Classic TR 200mm, 200 mm | 5 | 4.119-014.0 | | ☐ |
| Jet pipe Classic TR 400mm, 400 mm | 6 | 4.119-015.0 | | ☐ |
| Đầu phun đèn LED | 7 | 2.680-002.0 | Đèn LED nhẹ, sáng để gắn trực tiếp vào đầu phun của súng cao áp EASY!Force, giúp quan sát tốt hơn trong điều kiện ánh sáng không thuận lợi, tối đa trong 5 giờ làm việc. | ☐ |
| Ống phun, 250 mm, Xoay | 8 | 4.112-027.0 | Vòi phun, 250 mm, có thể xoay, thiết kế công thái học | ☐ |
| Ống phun, 400 mm, Xoay | 9 | 4.112-024.0 | Vòi phun, 400 mm, có thể xoay, thiết kế công thái học | ☐ |
| Ống phun, 600 mm, Xoay | 10 | 4.112-007.0 | Ống thép không gỉ 600 mm (khớp nối thủ công) với tay cầm tiện dụng để dễ sử dụng và bảo vệ. Xoay 360° dưới áp lực. | ☐ |
| Ống phun, 1050 mm, Xoay | 11 | 4.112-000.0 | Ống thép không gỉ 1050 mm (khớp nối thủ công) với tay cầm tiện dụng để dễ sử dụng và bảo vệ. Xoay 360° dưới áp lực. | ☐ |
| Ống phun, 1550 mm, Xoay | 12 | 4.112-018.0 | Ống thép không gỉ 1550 mm (khớp nối thủ công) với tay cầm tiện dụng để dễ sử dụng và bảo vệ. Xoay 360° dưới áp lực. | ☐ |
| Ống phun, 2050 mm, Xoay | 13 | 4.112-021.0 | Ống thép không gỉ 2050 mm (khớp nối thủ công) với tay cầm tiện dụng để dễ sử dụng và bảo vệ. Xoay 360° dưới áp lực. | ☐ |
| Ống phun mở rộng, 1000 mm | 14 | 4.112-048.0 | Vòi phun mở rộng với kết nối EASY!Lock. Độ dài 1000mm. | ☐ |

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

15

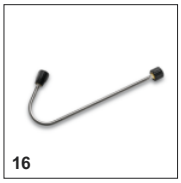
16

17

18

19

20

21

22

23

24

25–27

28

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **THANH PHUN** | | | | |
| **Thanh phun đôi** | | | | |
| Ống phun đôi, 960 mm | 15 | 2.112-016.0 | Vòi phun đôi 960 mm để điều chỉnh áp suất thay đổi trên tay cầm ở tốc độ dòng nước tối đa. Thích hợp sử dụng trong nông nghiệp (ví dụ: làm sạch chuồng trại). | ☐ |
| **Thanh phun góc** | | | | |
| Nhà vệ sinh và phun xịt máng nước mưa | 16 | 4.112-029.0 | Ống thép không gỉ cho WC và máng xối có thêm vòi phun. Hình dạng đặc biệt giúp làm sạch hiệu quả, và vệ sinh máng xối và nhà vệ sinh. | ☐ |
| **Thanh phun linh hoạt** | | | | |
| Ống phun linh hoạt, 1050 mm | 17 | 4.112-035.0 | Ống phun linh hoạt 1050 mm với độ uốn cong thay đổi từ 20° đến 140°, lý tưởng để làm sạch các khu vực khó tiếp cận, ví dụ: máng xối. | ☐ |
| Khớp nối áp lực | 18 | 4.112-057.0 | Đối với các khu vực khó tiếp cận: Khớp nối với áp suất cao cùng điều chỉnh góc vô hạn lên đến 120°. Đơn giản chỉ cần gắn trực tiếp vào vòi phun của máy rửa áp lực. | ☐ |
| **Thiết bị làm sạch máng xối** | | | | |
| Ống làm sạch máng nước | 19 | 2.112-015.0 | Ống phù hợp để làm sạch hệ thống máng xối. Do hình dạng và vòi phun thiết kế đặc biệt, máng xối có thể được làm sạch mà không cần tháo các tấm che. | ☐ |
| **Thanh phun gầm** | | | | |
| Ống phun gầm | 20 | 4.112-032.0 | Ống bằng thép không gỉ cho phép làm sạch vòm và bánh xe hiệu quả và dễ dàng. Không cần vòi phun áp lực cao. | ☐ |
| **Tay cầm thêm** | | | | |
| Tay cầm bổ sung cho ống phun EASY!Lock | 21 | 4.321-380.0 | Thoải mái trong mọi tình huống – tay cầm bổ sung dễ dàng gắn vào ống phun của thế hệ EASY!Lock mới của chúng tôi, và giúp công việc dễ dàng hơn cho phép bạn điều chỉnh tư thế cho phù hợp với nhiệm vụ cụ thể. Thường xuyên thay đổi tư thế giúp làm giảm căng thẳng trên cơ thể của bạn, làm cho công việc thoải mái hơn. Nhờ có đầu phun 360 độ, tay cầm bổ sung có thể được xoay linh hoạt trong khi làm việc. | ☐ |
| **Thanh phun PowerControl** | | | | |
| Vòi phun PowerControl 038 | 22 | 4.112-047.0 | Điều chỉnh áp suất thay đổi vô hạn trong quá trình vận hành trực tiếp, đặc biệt đối với các máy không có chức năng điều khiển Servo. Hiệu suất làm sạch có thể được điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ tương ứng ngay lập tức. Chế độ áp suất thấp cho ứng dụng của chất tẩy rửa và điều chỉnh mức phun tia quy tròn sản phẩm. | ☐ |
| **ĐẦU PHUN XOÁY (DIRT BLASTERS)** | | | | |
| **Đầu phun xoáy, nhỏ** | | | | |
| Đầu phun hiệu suất nhỏ 040, nhỏ, 040 | 23 | 4.114-020.0 | Với tia phun điểm xoay để loại bỏ hiệu quả hơn: đầu phun hiệu suất mới với kích thước vòi phun 040 đạt hiệu suất làm sạch, và diện tích cao hơn tới 50% so với phiên bản trước. | ■ |
| **Đầu phun xoáy, lớn** | | | | |
| Đầu phun hiệu suất lớn 040, lớn, 040 | 24 | 4.114-041.0 | Đầu phun bụi bẩn với tia phun bút chì xoáy, cung cấp hiệu suất làm sạch tốt hơn 10 lần. Vòi phun gốm và vòng ổ trục cho tuổi thọ lâu dài. Dữ liệu khác: áp suất tối đa. 300 bar, 30 MPa, nhiệt độ nước 85°C. | ☐ |
| **ĐẦU PHUN POWER KÄRCHER** | | | | |
| **Đầu phun 25º** | | | | |
| Đầu phun áp lực 25° – 036 25°, 036 | 25 | 2.113-005.0 | Đầu phun tia quạt với góc phun 25 độ, phù hợp cho các khu vực lớn bị bám bẩn khó tẩy và vết ố. | ■ |
| **Đầu phun HP 0º** | | | | |
| Đầu phun áp lực cao 0° – 040 0°, 040 | 26 | 2.113-001.0 | Đầu phun áp lực cao với tia phun mạnh mẽ cho bụi bẩn cực kỳ cứng đầu. | ☐ |
| **Đầu phun 40º** | | | | |
| Đầu phun áp lực 40° – 040 40°, 040 | 27 | 2.113-003.0 | Đầu phun áp lực với góc phun 40 độ và tia quạt, phù hợp cho các khu vực lớn và bề mặt nhạy cảm. | ☐ |
| **SÚNG PHUN** | | | | |
| **Súng phun** | | | | |
| Pistol TR 155°C with package | 28 | 4.119-002.0 | | ■ |

■ Có bao gồm khi giao hàng ☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC 1.520-801.0

29

30

31

32

33

34

35

37

39

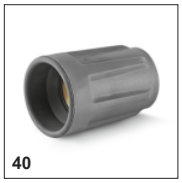
40

41, 48

42, 44–47

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **SÚNG PHUN** | | | | |
| **Súng phun** | | | | |
| Bộ chuyển đổi 1 EASY!Force – từ ống áp lực cao | 29 | 4.111-050.0 | Để trang bị thêm máy phun rửa áp lực cao Kärcher với vòi áp lực cao hiện có: dùng bộ chuyển đổi 1 EASY!Force với súng áp lực cao EASY!Force, bình phun chất tẩy rửa và tất cả các bộ điều hợp thông qua vòi phun. | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 3 chỉ cho EASY!Force | 30 | 4.111-052.0 | Tương thích với vòi áp lực cao và vòi phun: Bộ chuyển đổi 3 EASY!Force, bao gồm súng áp lực cao EASY!Force và tất cả các bộ điều hợp cần thiết để nâng cấp máy phun rửa áp suất cao của bạn. | ☐ |
| **STROMGENERATOR** | | | | |
| PGG 6/1 | 31 | 1.042-208.0 | | ☐ |
| **ĐẦU PHUN ĐA TIA** | | | | |
| **Đầu phun 3 tia** | | | | |
| Đầu phun ba 036, 036 | 32 | 4.117-031.0 | Đầu phun ba với sự thay đổi vòi phun thủ công. Điều chỉnh phun thuận tiện. Đối với các máy có kim phun, tia phẳng áp suất thấp rất hữu ích cho việc hút dung dịch làm sạch và ứng dụng. | ☐ |
| **ECO!BOOSTER** | | | | |
| eco!Booster TR 036 | 33 | 2.113-083.0 | | ☐ |
| **KẾT NỐI NHANH** | | | | |
| Khớp nối nhanh | 34 | 2.115-000.0 | Để có thể thay đổi nhanh chóng giữa các phụ kiện/vòi phun khác nhau. Hoàn hảo cho bộ phận phun Kärcher, phù hợp với giao diện súng phun áp lực/ống phun. Với M 22 × 1.5 ren trong. | ☐ |
| Quick-fitting pipe union plug nipple tra | 35 | 2.115-001.0 | Khớp nối đực bằng thép không gỉ cứng cho khớp nối nhanh 6.401-458. Với ren ngoài M 22 × 1.5. | ☐ |
| **HỆ THỐNG LÀM SẠCH THÙNG CHỨA (DRUM AND TANK CLEANING)** | | | | |
| Bộ hút bùn bổ sung | 36 | 2.641-798.0 | Để kết nối với ống áp lực cao của máy làm sạch áp suất cao Kärcher: Bộ hút bùn mạnh mẽ được trang bị thêm máy làm sạch áp suất cao cho máy bơm chất bẩn. | ☐ |
| **PHỤ KIỆN HP KHÁC** | | | | |
| súng phun | 37 | 2.869-067.0 | Thời gian thiết lập ngắn, vận chuyển dễ dàng, tắt ngay lập tức – súng phun tia là phương pháp làm sạch hợp lý cho tất cả các loại diện tích vừa và nhỏ. Có thể điều chỉnh áp suất / lượng nước. | ☐ |
| **SEALS FOR TRAPEZOIDAL THREAD** | | | | |
| Spare part set seals TR | 38 | 2.880-001.0 | | ☐ |
| **ĐẦU PHUN HƠI NƯỚC / BỘ BẢO VỆ ĐẦU PHUN / ĐẦU PHUN XOAY** | | | | |
| **Giá đỡ đầu phun xoay** | | | | |
| Owner of jets double brass | 39 | 4.764-012.0 | | ☐ |
| **BỘ ĐẦU HÚT / VÒNG ĐỆM** | | | | |
| **Bộ đầu hút** | | | | |
| Đầu phun dạng vít | 40 | 4.112-011.0 | Đầu phụn dạng vít với các bảo vệ cho vòi phun áp lực và áp suất cao | ☐ |
| **DÂY ÁP LỰC** | | | | |
| **Đúng tiêu chuẩn với ống nối ở cả hai bên** | | | | |
| Ống áp lực cao, 10 m, ID 10, 220 bar, 2 × EASY!Lock | 41 | 6.110-041.0 | Giá trị ấn tượng và thiết bị cơ bản: ống áp lực cao, (ID 10), dài 10 m, cho áp suất lên đến 220 bar. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 10 m, ID 6, 250 bar, 2 × EASY!Lock | 42 | 6.110-035.0 | Ống áp lực cao có kết nối vít tay EASY!Lock ở cả hai đầu (ID 6), dài 10 m. Thích hợp cho áp suất lên đến 250 bar với ANTI!Twist. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

43

42, 44–47

41, 48

49

50

51

52

53

54–56

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **DÂY ÁP LỰC** | | | | |
| **Đúng tiêu chuẩn với ống nối ở cả hai bên** | | | | |
| Ống áp lực cao, 10 m, ID 6, 300 bar, 2 × EASY!Lock | 43 | 6.110-056.0 | Ống áp lực cao (ID 6) với ANTI!Twist và kết nối vít tay EASY!Lock ở cả hai đầu. Cho áp suất lên đến 300 bar. Dài 10 m. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 10 m, ID 8, 315 bar, 2 × EASY!Lock | 44 | 6.110-031.0 | Ống áp lực cao (ID 8) phù hợp với áp suất lên đến 315 bar. Ống áp lực cao với kết nối vít tay EASY!Lock ở cả hai đầu, ANTI!Twist, dài 10 m. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 15 m, ID 8, 315 bar, 2 × EASY!Lock | 45 | 6.110-030.0 | Ống áp lực cao dài 15 m, ID 8, với ANTI!Twist ở cả hai đầu và kết nối vít tay EASY!Lock tiết kiệm thời gian. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 20 m, ID 8, 315 bar, 2 × EASY!Lock | 46 | 6.110-032.0 | Ống áp lực cao (ID 8), dài 20 m, với kết nối vít tay EASY!Lock tiết kiệm thời gian và mạnh mẽ ở cả hai đầu. Cho áp suất lên đến 315 bar. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 30 m, ID 8, 315 bar, 2 × EASY!Lock | 47 | 6.110-014.0 | Chiều dài thuận tiện (30 m) và kết nối vít tay EASY!Lock: ống áp lực cao (ID 8) với ANTI! Twist cho áp suất lên đến 315 bar. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 15 m, ID 10, 220 bar, 2 × EASY!Lock | 48 | 6.110-042.0 | Với kết nối vít tay EASY!Lock sáng tạo cho áp suất lên đến 220 bar: ống áp lực cao dài 15 m (ID 10). | ☐ |
| Ống áp lực cao, 20 m, ID 10, 220 bar, 2 × EASY!Lock | 49 | 6.110-043.0 | Các tính năng chính của ống áp lực cao (ID 10): dài 20 m với kết nối vít tay EASY!Lock cực kỳ tiết kiệm và tiện lợi ở hai đầu. | ☐ |
| Ống áp lực cao, 25 m, ID 10, 220 bar, 2 × EASY!Lock | 50 | 6.110-044.0 | Giá trị ấn tượng và thiết bị cơ bản: ống áp lực cao, (ID 10), dài 25 m, cho áp suất lên đến 220 bar. | ☐ |
| **Longlife 400 với ống nối ở cả hai bên** | | | | |
| Ống áp lực cao bền bỉ, 1,5 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 51 | 6.110-024.0 | Ống áp lực cao ngắn 1.5 m (ID 8). Với kết nối vít tay tiện lợi EASY!Lock ở cả hai đầu cho kết nối mạnh mẽ và nhanh chóng. Bền bỉ, cho áp suất lên đến 400 bar. | ☐ |
| Ống áp lực cao bền bỉ, 1,5 m, ID 8, 400 bar, 1 × EASY!Lock / 1 × M22 × 1,5 | 52 | 6.110-069.0 | Ống áp lực cao (ID 8) có cốt thép gấp đôi, dài 1.5 m, phù hợp với áp suất lên đến 400 bar. Đầu nối: M 22 × 1.5, nhanh chóng và tiện lợi kết nối vít tay EASY!Lock. | ☐ |
| Ống áp lực cao bền bỉ, 10 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 53 | 6.110-038.0 | Ống áp lực cao bền bỉ, dài 10 m (ID 8) với cốt thép gấp đôi và kết nối vít tay EASY!Lock ở hai đầu và ANTI!Twist. Phù hợp cho áp suất đến 400 bar. | ☐ |
| Ống áp lực cao bền bỉ, 30 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 54 | 6.110-023.0 | Ống áp lực cao bền bỉ với cốt thép gấp đôi, ANTI!Twist và kết nối vít tay EASY!Lock ở hai đầu. ID 8, dài 30 m, cho áp suất lên tới 400 bar. | ☐ |
| Ống áp lực cao bền bỉ, 20 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 55 | 6.110-027.0 | Ống áp lực cao với ANTI! Twist, kết nối vít tay EASY!Lock và gia cố thép gấp đôi. Dài 20 m, ID 8, kết nối vít tay ở cả hai đầu. | ☐ |
| Ống áp lực cao bền bỉ, 15 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 56 | 6.110-029.0 | Cốt thép gấp đôi đảm bảo tuổi thọ dài của ống áp lực cao 15 m (ID 8), được sử dụng cho áp lực lên đến 400 bar. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

57

58

59

60

61

62–63

64

65–70

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **DÂY ÁP LỰC** | | | | |
| **Phiên bản dành ngành thực phẩm với ống nối ở cả hai bên** | | | | |
| Ống áp lực cao cho ngành thực phẩm, 15 m, ID 6, 250 bar, 2 × EASY!Lock | 57 | 6.110-063.0 | Ống áp lực cao 15 m (ID 6), dùng cho ngành thực phẩm, với kết nối AVS, kết nối vít tay EASY!Lock và vỏ ngoài màu xám, không tạo dấu bên ngoài. | ☐ |
| **Longlife food design with screw connections at both ends** | | | | |
| Ống áp lực cao cho ngành thực phẩm bền bỉ, 10 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 58 | 6.110-053.0 | Với lớp phủ bên ngoài màu xanh lam, không tạo dấu và chống chất béo động vật: ống áp suất cao bền bỉ (ID 8), dài 10 m, ANTI!Twist và tay vặn kết nối EASY!Lock ở cả hai đầu. | ☐ |
| Ống áp lực cao cho ngành thực phẩm bền bỉ, 20 m, ID 8, 400 bar, 2 × EASY!Lock | 59 | 6.110-054.0 | Ống áp lực cao bền bỉ với thép gia cường kép và lớp phủ bên ngoài màu xanh lam, không đánh dấu và chống mỡ động vật. Dài 20 m với các kết nối vít tay EASY! Lock. | ☐ |
| **Ống dây đặc biệt** | | | | |
| Ống áp lực cao uốn cong, 1.5 m, ID 8, 400 bar, 1 × EASY!Lock / 1 × M22 × 1,5 | 60 | 6.110-068.0 | Để kết nối với cuộn ống: ống áp suất cao, với kết nối M 22 × 1.5 và kết nối vít khóa tay cong EASY!Lock. Dài 1,5 m, phù hợp với áp suất làm việc lên đến 400 bar. | ☐ |
| **Classic** | | | | |
| Dây phun áp lực cao Classic, 10 m, ID 8, 315 bar × , EASY!Lock | 61 | 4.119-005.0 | | ☐ |
| Hose TR DN8 31,5MPa 20m with package, 20 m, ID 8, 315 bar × , EASY!Lock | 62 | 4.119-006.0 | | ☐ |
| Hose TR DN8 31,5MPa 30m with package, 30 m, ID 8, 315 bar × , EASY!Lock | 63 | 4.119-007.0 | | ☐ |
| Hose assembly with package TR DN10 25MPa, 20 m, ID 10, 250 bar × , EASY!Lock | 64 | 4.119-019.0 | | ☐ |
| **LÀM SẠCH HỆ THỐNG ỐNG NƯỚC** | | | | |
| **Dây làm sạch ống nước, ID 6** | | | | |
| Hose assembly TR pipe cleaning DN6 14MPa | 65 | 6.110-108.0 | | ☐ |
| | 66 | 6.110-109.0 | | ☐ |
| | 67 | 6.110-110.0 | | ☐ |
| Ống làm sạch đường ống, DN 6, 10 m, áp lực tối đa 140 bar | 68 | 6.110-048.0 | Ống áp lực cao linh hoạt 10 m (DN 6) để làm sạch đường ống (kết nối ren cho đầu vòi R 1/8). | ☐ |
| Ống làm sạch đường ống, DN 6, 20 m, áp lực tối đa 140 bar | 69 | 6.110-049.0 | Ống áp lực cao linh hoạt 20 m (DN 6) để làm sạch đường ống (kết nối ren cho đầu vòi R 1/8). | ☐ |
| Ống làm sạch đường ống, DN 6, 30 m, áp lực tối đa 140 bar | 70 | 6.110-050.0 | Ống áp lực cao linh hoạt 30 m (DN 6) để làm sạch đường ống (kết nối ren cho đầu vòi R 1/8). | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

71

72

73–74

75

76

77

78

79

80

81

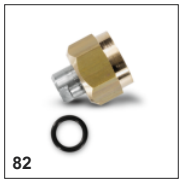
82

83

84

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **LÀM SẠCH HỆ THỐNG ỐNG NƯỚC** | | | | |
| **Đầu phun làm sạch ống nước** | | | | |
| Đầu phun vệ sinh đường ống D21/040 | 71 | 4.765-001.0 | Đầu bút chì xoay nghiêng về phía trước loại bỏ bụi bẩn cứng đầu nhất. Ba tia phun nghiêng về phía sau đảm bảo chuyển động cần thiết về phía trước, cũng như xử lý thuận tiện. | ☐ |
| Đầu phun vệ sinh đường ống D30/040 | 72 | 4.765-004.0 | | ☐ |
| Đầu phun làm sạch đường ống 055, 3x30°, 16 mm | 73 | 5.763-015.0 | Đầu phun làm sạch ống 16 mm với ren trong. Các hướng tia phun khác nhau để làm sạch thân thiện với môi trường đối với các cống, và đường ống bị chặn. | ☐ |
| Đầu phun làm sạch đường ống 065, 1x phía trước, 3x30°, 16 mm | 74 | 5.763-020.0 | | ☐ |
| Đầu phun làm sạch đường ống 050, 3x30°, 30 mm | 75 | 5.763-017.0 | Đầu phun làm sạch ống 30 mm với ren trong. Các hướng tia phun khác nhau để làm sạch thân thiện với môi trường đối với các cống, và đường ống bị chặn. | ☐ |
| Đầu phun xoay làm sạch đường ống | 76 | 6.415-428.0 | Đầu phun làm sạch đường ống với bốn tia xoay và ren trong. Các hướng phun khác nhau. Vòi chuyển động tự do qua đường ống. Với kết nối R 1/8 ". | ☐ |
| **MÁY LAU SÀN** | | | | |
| **Thiết bị làm sạch bề mặt FR Classic** | | | | |
| Đầu chà làm sạch bề mặt FR Classic | 77 | 2.111-016.0 | Là mẫu phụ kiện cơ bản lý tưởng trong dòng phụ kiện làm sạch bề mặt Kärcher để làm sạch bề mặt trong nhà và ngoài trời. Với bảo vệ chống văng và áp lực làm việc lên đến 150 bar. | ☐ |
| FR TR 40 Classic | 78 | 4.119-029.0 | | ☐ |
| FR TR 30 Classic | 79 | 4.119-030.0 | | ☐ |
| **Thiết bị làm sạch bề mặt FR 30** | | | | |
| Đầu chà làm sạch bề mặt FR 30 | 80 | 2.111-011.0 | Khu vực phủ sóng lớn hơn tới 10 lần so với tia phun áp lực cao thông thường. Vỏ bằng nhựa cho khả năng cơ động tối ưu, ổ trục gốm kép cho thời gian làm việc lâu dài, khớp nối linh hoạt để xử lý thuận tiện. Bộ vòi phun cụ thể của máy phải được đặt hàng riêng. Tối đa 180bar / 850 l/h/ 60°C. | ☐ |
| **Thiết bị làm sạch bề mặt FR 30 Me** | | | | |
| Đầu chà làm sạch bề mặt cứng FR 30 Me | 81 | 2.111-013.0 | Phụ kiện làm sạch bề mặt bằng thép không gỉ chịu nước nóng với vòng bi gốm kép, bánh xe xoay không để lại dấu và kết nối ống hút. Lý tưởng để làm sạch trong nhà, ví dụ: ngành công nghiệp thực phẩm. | ☐ |
| **Bộ đầu phun FR** | | | | |
| Bộ đầu phun cho FR, 450 l/h – 500 l/h | 82 | 2.640-482.0 | Bộ đầu phun bao gồm đầu phun công suất và đầu nối. Đối với đầu chà làm sạch bề mặt Kärcher (450 đến 500 l/h). | ☐ |
| **Bộ đầu phun FR Classic** | | | | |
| Bộ đầu phun cho FR Classic, 040 | 83 | 2.885-312.0 | Bộ đầu phun chuyên dụng cho đầu chà làm sạch bề mặt FR Classic. | ☐ |
| **HỆ THỐNG PHUN BỌT** | | | | |
| **Thanh phun Cup foam lance** | | | | |
| Bình phun tạo bọt Advanced 1, 400 l/h – 600 l/h | 84 | 4.112-063.0 | Cần phun tạo bọt cốc cao cấp và mạnh mẽ Advanced 1 với khả năng điều chỉnh góc phun và thân chính làm bằng Ecobrass. Thích hợp cho máy tẩy rửa áp suất cao Kärcher với tốc độ dòng chảy từ 400 đến 600 l / h. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

85

86

87

88

89

90

91

92

93

94

95

96

97–98

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **HỆ THỐNG PHUN BỌT** | | | | |
| **Thanh phun Cup foam lance** | | | | |
| Bình phun tạo bọt DUO cải tiến 1, 400 l/h – 600 l/h | 85 | 4.112-067.0 | | ☐ |
| Foam lance TR 400-600 L/H, 400 l/h – 600 l/h | 86 | 4.119-027.0 | | ☐ |
| Bình phun tạo bọt Basic 1, 350 l/h – 600 l/h | 87 | 4.112-053.0 | Đối với máy phun rửa áp lực cao với tốc độ dòng chảy 350–600 l/h: bình phun tạo bọt Basic 1 mới, mạnh mẽ và chất lượng rất cao với chất lượng bọt vượt trội trong khi chỉ tiêu thụ một nửa chất làm sạch. | ☐ |
| Thùng chứa chất làm sạch 1L cho bình phun tạo bọt Basic | 88 | 5.071-414.0 | Để thay đổi nhanh chất tẩy rửa: Hộp chứa chất làm sạch bổ sung 1 lít cho ống phun bọt cơ bản (2.112-053.0, 2.112-054.0 và 2.112-055.0). | ☐ |
| Thùng chứa chất làm sạch 1L cho bình phun tạo bọt Advanced | 89 | 6.414-050.0 | Bình chứa chất làm sạch bổ sung 1 lít để thay thế nhanh chất làm sạch (đối với vòi phun bọt 2.112-017.0 và 2.112-018.0) | ☐ |
| **Inno Foam Kit** | | | | |
| Bộ tạo bọt Inno với vòi phun chất tẩy rửa | 90 | 2.112-000.0 | Hệ thống tạo bọt áp suất cao với ống dẫn kép (vòi phun bọt và tia cao áp để rửa). Để sử dụng với máy phun rửa áp lực cao HDS và áp lực cao di động và cố định để làm sạch hoặc khử trùng. | ☐ |
| **Easy Foam Set** | | | | |
| Bộ tạo bọt Easy với vòi phun RM | 91 | 2.112-010.0 | Hệ thống bọt HP để sử dụng với máy phun rửa áp lực cao HD/HDS để làm sạch và khử trùng. Đầu phun bọt để kết nối với ống phun và vòi phun hóa chất HP với van định lượng chính xác 0-5%. Bộ vòi phun cụ thể của máy phải được đặt hàng riêng. | ☐ |
| **Đầu phun cho Inno/Easy Foam Set** | | | | |
| Bộ đầu phun 055 cho bộ Inno/ Easy 500–600 l/h | 92 | 2.111-009.0 | Thích ứng tối ưu với các đầu ra máy khác nhau để hiệu quả sử dụng kinh tế. | ☐ |
| **Bộ dụng cụ lắp ráp đầu phun bọt** | | | | |
| Đầu phun tạo bọt gắn kèm | 93 | 2.112-013.0 | Bộ tạo bọt. Đầu phun tạo bọt lý tưởng để sử dụng trong các khu vực vệ sinh và ngành công nghiệp thực phẩm và bất cứ nơi nào cần thời gian sử dụng dài. | ☐ |
| **MÁY TRỘN VÀ MÁY PHUN** | | | | |
| **Máy phun chất tẩy rửa** | | | | |
| Vòi phun chất làm sạch cho áp suất cao và thấp (không có đầu phun) | 94 | 4.637-032.0 | Vòi phun chất tẩy rửa cho liều lượng áp suất cao và thấp độc lập. Liều lượng tối đa khoảng 15%. | ☐ |
| Vòi phun chất làm sạch cho áp suất cao (không có đầu phun) | 95 | 4.637-033.0 | Liều lượng chất làm sạch ở áp suất cao 3 – 5% | ☐ |
| **Bộ đầu phun kết hợp với mã 4.637-033.0** | | | | |
| Bộ đầu phun HD 500–700 l/h | 96 | 4.769-005.0 | Đối với HD 500 – 700 l/h. Bao gồm đầu phun + đầu phun công suất HP + khớp nối | ☐ |
| **Bộ kết nối với mã 4.637-032.0** | | | | |
| Đầu phun lên đến 1,100 l/h – áp lực cao | 97 | 4.769-003.0 | Đầu phun cho vòi phun chất tẩy rửa 3.637-001 cho ứng dụng chất tẩy rửa áp suất cao. Phù hợp với máy phun rửa áp lực cao với lưu lượng nước lên đến 1100 l/h. | ☐ |
| Đầu phun lên đến 1,100 l/h – áp lực thấp | 98 | 4.769-001.0 | Ứng dụng áp lực cao với máy lên đến 1.100 l/h | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

99

100

101

102

103

104

105

106

107

108

109

110

111

112

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **BỘ PHẬN KHỚP NỐI** | | | | |
| **Khớp nối quay** | | | | |
| Khớp xoay | 99 | 4.111-021.0 | Chống xoắn ống HP một cách đáng tin cậy. Kết nối Easy!Lock. Bảo vệ tay cầm | ☐ |
| **Đầu nối** | | | | |
| Khớp nối vít cho đầu chà làm sạch bề mặt và bộ điều khiển Servo Control | 100 | 4.111-022.0 | Để gắn đầu phun áp lực cao và các bộ phận phụ kiện vào súng áp lực HD (với đầu phun vít) – 1 × M 22 × 1.5 / 1 × M 18 × 1.5. | ☐ |
| Bộ phân phối chữ Y | 101 | 4.111-024.0 | Cung cấp tùy chọn kết nối hai bộ phận phun với máy. Lắp đặt trên đầu ra cao áp. | ☐ |
| Đầu phun ngắn | 102 | 4.111-038.0 | Để gắn đầu phun cao áp và các bộ phận phụ kiện vào súng áp lực HP (với đầu phun vít). Không tương thích với đầu phun ba. | ☐ |
| **Bộ chuyển đổi EASY!Lock** | | | | |
| Bộ chuyển đổi 1 M22AG-TR22AG | 103 | 4.111-029.0 | Bộ chuyển đổi 1 để kết nối ống cũ với ống mới | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 2 M22IG-TR22AG | 104 | 4.111-030.0 | Bộ chuyển đổi 2 để kết nối thiết bị cũ với ống mới và súng cũ với ống mới | ☐ |
| Bộ chuyển đổi M22IG-TR22AG | 105 | 4.111-031.0 | Bộ điều hợp 3 để kết nối súng cũ với ống phun mới và bộ điều chỉnh servo mới | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 4 TR22IG-D11 | 106 | 4.111-032.0 | Bộ chuyển đổi 4 để kết nối súng mới với ống xoay cũ | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 5 TR22IG-M22AG | 107 | 4.111-033.0 | Bộ điều hợp 5 để kết nối súng mới với ống phun cũ và bộ điều chỉnh servo mới với ống phun cũ | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 6 TR22IG-M22AG | 108 | 4.111-034.0 | Bộ chuyển đổi 6 để kết nối thiết bị mới với ống cũ và ống cũ với súng mới | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 7 M18IG-TR20AG | 109 | 4.111-035.0 | Bộ chuyển đổi 7 để kết nối ống phun cũ với đầu phun mới | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 8 TR20IG-M18AG | 110 | 4.111-036.0 | Bộ chuyển đổi 8 để kết nối ống phun mới với đầu phun cũ | ☐ |
| Khớp nối dài 9 TR | 111 | 4.111-037.0 | Khớp nối 9 giúp nối các ống mới với nhau | ☐ |
| Bộ chuyển đổi 12 khớp xoay EASY!Lock 22 IG – M22 × 1.8 AG | 112 | 4.111-046.0 | Bộ chuyển đổi có thể xoay để kết nối Súng cao áp EASY!Force và ống áp lực cao với kết nối M 22x1.5 | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

113

114

115

116

117

118

119

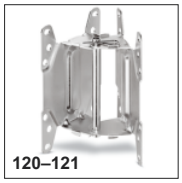
120–121

122

123

124

125

126

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **GUỒNG ỐNG** | | | | |
| **Guồng ống cuốn tự động** | | | | |
| Cuộn ống nhựa tự động bao gồm ống áp lực cao, 15 m | 113 | 2.639-257.0 | Cuộn vòi tự động được gắn lò xo và sẵn sàng sử dụng khi treo tường. Đơn giản hóa việc xử lý ống áp suất cao, rút ngắn thời gian thiết lập và tăng an toàn lao động. | ☐ |
| Cuộn ống tự động, thép/nhựa sơn tĩnh điện, 20 m | 114 | 6.392-074.0 | Cuộn ống tự động cho ống cao áp 20 m. Bàn điều khiển được làm từ thép sơn tĩnh điện, vành được làm từ nhựa. | ☐ |
| Cuộn thu hồi ống tự động thép không gỉ/vật liệu tổng hợp, 20 m | 115 | 6.392-083.0 | Cuộn ống tự động cho ống cao áp 20 m. Bàn điều khiển được làm từ thép không gỉ, vành được làm từ nhựa. | ☐ |
| Cuộn ống tự động, sơn phủ, 20 m | 116 | 6.392-106.0 | Cuộn vòi tự động bằng nhựa siêu bền. Khung thép sơn. Thích hợp cho ống cao áp 20 m. | ☐ |
| Cuộn ống, tự động, phủ màu xám bazan, 20 m | 117 | 6.392-105.0 | Cuộn ống tự động mang lại mức độ an toàn và tiện lợi cao nhất cho việc cuộn và tháo cuộn ống HP. Ví dụ: mã đặt hàng 6.110-011.0 (ID 8, 20 m, 315 bar) hoặc mã đặt hàng 6.110-028.0 (ID 8, 20 m, 400 bar Tuổi thọ cao). | ☐ |
| Cuộn vòi tự động, thép không gỉ, bao gồm giá đỡ xoay, 20 m | 118 | 6.392-076.0 | Cuộn vòi tự động bằng thép không gỉ. Với giá đỡ xoay. Thích hợp cho ống cao áp 20 m. | ☐ |
| Cuộn ống thép không gỉ tự động, 40 m | 119 | 6.392-442.0 | Cuộn ống tự động mang lại mức độ an toàn và tiện lợi cao nhất cho việc cuộn và tháo cuộn ống HP. Ống áp suất cao tương thích, ví dụ: mã đặt hàng 6.110-076.0 (ID 8, 40 m, 400 bar, bộ phụ kiện kết nối cuộn ống 1x). | ☐ |
| Giá đỡ xoay sơn tĩnh điện | 120 | 2.639-931.0 | Giá đỡ xoay gắn tường cho cuộn ống tự động. Đối với bán kính hoạt động tối đa và tính linh hoạt của ống áp lực cao. Có thể xoay 120°. Thép mạ kẽm. | ☐ |
| Giá đỡ xoay bằng thép không gỉ | 121 | 2.641-867.0 | Giá đỡ tường xoay làm bằng thép cao cấp (cho 2.641-866). Điều này giúp tối đa hóa sự linh hoạt và tiện lợi khi làm việc với ống HP. | ☐ |
| **MẶT TIỀN VÀ PIN MẶT TRỜI** | | | | |
| **Bàn chải** | | | | |
| Bàn chải truyền động hoàn chỉnh | 122 | 4.762-584.0 | Dẫn động thủy lực để quay chổi lăn. Để làm sạch mặt tiền hoặc lắp đặt năng lượng mặt trời bằng máy vệ sinh áp suất cao chuyên nghiệp của chúng tôi. Lắp đặt trên ống phun hoặc ống lồng. | ☐ |
| Chống bắn tia nước hoàn toàn | 123 | 4.762-621.0 | Bộ phận bảo vệ chống bắn tia nước có gắn khóa dán để xoay chổi lăn. Nhìn rõ bàn chải nhờ lớp phim trong suốt, đồng thời bảo vệ chống bắn tung tóe. | ☐ |
| Bàn chải xoay mềm | 124 | 4.762-623.0 | Bàn chải mềm đi kèm để sử dụng với truyền động thủy lực (4.762-584.0). Đối với mặt tiền thô, hàng hiên lát đá và gỗ. Hệ thống thay đổi nhanh chóng an toàn và dễ dàng. | ☐ |
| Bàn chải xoay cứng vừa | 125 | 4.762-624.0 | Bàn chải cứng vừa phải đi kèm để sử dụng với truyền động thủy lực (4.762-584.0). Đối với mặt tiền thô, hàng hiên lát đá và gỗ. Hệ thống thay đổi nhanh chóng an toàn và dễ dàng. | ☐ |
| Bàn chải xoay cứng | 126 | 4.762-625.0 | Bàn chải cứng đi kèm để sử dụng với truyền động thủy lực (4.762-584.0). Đối với mặt tiền thô, hàng hiên lát đá và gỗ. Hệ thống thay đổi nhanh chóng an toàn và dễ dàng. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

127

128

129

130

131–132

133–134

135

136

137–138

139

140

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **MẶT TIỀN VÀ PIN MẶT TRỜI** | | | | |
| **Bàn chải** | | | | |
| Bàn chải cứng | 127 | 6.960-133.0 | Bàn chải với lông cứng để làm sạch mặt tiền và lớp trải sàn của ngành công nghiệp và loại bỏ bụi bẩn thô. Lắp đặt đơn giản trên ống lồng hoặc ống áp lực cao của Kärcher. | ☐ |
| Bàn chải cứng vừa | 128 | 6.960-134.0 | Làm sạch mặt tiền, cửa chớp và vải dệt một cách tối ưu: bàn chải với lông cứng vừa phải để gắn nhanh và đơn giản vào ống lồng hoặc ống phun áp lực cao của Kärcher. | ☐ |
| Bàn chải mềm | 129 | 6.960-135.0 | Lắp đặt đơn giản trên cây thương dạng ống lồng hoặc cần phun áp lực cao của Kärcher: bàn chải có lông mềm để làm sạch sâu các bề mặt nhạy cảm như kính hoặc hệ thống năng lượng mặt trời. | ☐ |
| **Teleskopstangen** | | | | |
| Van bi | 130 | 4.580-097.0 | Bộ chuyển đổi áp suất thấp TL bao gồm van bi để lắp đặt không cần dụng cụ trên ống lồng. Lý tưởng cho các ứng dụng có bàn chải cao áp xoay. | ☐ |
| Cây thương dạng ống lồng thủy tinh 7 m | 131 | 4.762-609.0 | Cây thương ống lồng TL 7 F với tầm với lên đến 7 m được làm từ sợi thủy tinh chắc chắn và nhẹ. Với các chốt tháo nhanh thực tế để rút và mở rộng đơn giản. | ☐ |
| Cây thương dạng ống lồng hybrid 7 m | 132 | 4.762-610.0 | Cây thương ống lồng hybrid đa chức năng TL 7 H được làm bằng hỗn hợp sợi carbon-thủy tinh cứng và nhẹ. Cây thương ống lồng nhờ các chốt tháo nhanh. Tầm với lên đến 7 m. | ☐ |
| Telescope lance hybrid 10 m | 133 | 4.762-611.0 | Tầm với đến 10 m: ống kính thiên văn lai TL 10 H. Bao gồm hỗn hợp sợi carbon-thủy tinh và thích hợp cho việc sử dụng đa chức năng. Rút và mở rộng đơn giản nhờ các chốt tháo nhanh. | ☐ |
| Cây thương dạng ống lồng carbon 10 m | 134 | 4.762-612.0 | Ống lồng bằng sợi carbon TL 10 C. Với tầm với lên đến 10 m và các chốt tháo nhanh thực tế. Sử dụng đa chức năng để làm sạch mặt tiền, cửa sổ hoặc tấm pin mặt trời. | ☐ |
| Cây thương dạng ống lồng carbon 14 m | 135 | 4.762-613.0 | Độ cứng tối đa với trọng lượng tối thiểu: ống lồng TL 14 C làm từ sợi carbon. Tầm với cực lớn 14 m, sử dụng đa chức năng và dễ sử dụng nhờ chốt tháo nhanh. | ☐ |
| Súng phun | 136 | 4.775-154.0 | Bộ chuyển đổi áp suất cao TL, súng cao áp linh hoạt để làm sạch áp suất cao với ống lồng. Công thái học, dễ cài đặt, phù hợp cho người thuận tay phải và trái. | ☐ |
| **WET BLASTING ATTACHMENT** | | | | |
| **Wet blasting attachment (without nozzle)** | | | | |
| Phụ kiện phun ướt có kiểm soát dòng chảy (không có đầu phun) | 137 | 4.115-000.0 | Dễ dàng loại bỏ sơn, rỉ sét và cáu cặn: Phụ kiện phun ướt Karcher với bộ điều khiển lưu lượng để bổ sung chất mài mòn khi phun tia áp suất cao. | ☐ |
| Phụ kiện phun ướt không có kiểm soát dòng chảy (không có đầu phun) | 138 | 4.115-006.0 | Dễ dàng loại bỏ sơn, rỉ sét và cáu cặn: Phụ kiện phun ướt Karcher với bộ điều khiển lưu lượng để bổ sung chất mài mòn khi phun tia áp suất cao. Với kiểm soát dòng chảy. | ☐ |
| **Bộ đầu phun cho đầu phun ướt** | | | | |
| Bộ đầu phun cho đầu phun tia ướt 035 | 139 | 2.112-021.0 | Bộ đầu phun với đầu phun ướt và đầu chèn (loại cụ thể). Để có hiệu suất phun ướt Kärcher tối ưu. Chỉ kết hợp với phụ kiện phun ướt 4.115-000.0 \| 4.115-006.0. | ☐ |
| **Boron carbide nozzle** | | | | |
| Đầu phun boron cacbua, cho máy lên đến 1.000 l/h | 140 | 6.415-084.0 | Ngoài gói đầu phun. Đầu phun chống mài mòn rất tốt với mâm kẹp cacbua boron để hoạt động liên tục. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO HD 5/11 EX PLUS CLASSIC
# 1.520-801.0

141–143

144

145

146

148

149

150

151

152

153

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **KẾT NỐI NGUỒN NƯỚC** | | | | |
| **Khớp nối Geka** | | | | |
| Đầu nối Geka với ngạnh ống, R 1/2" | 141 | 6.388-461.0 | có đệm ống | ☐ |
| Đầu nối Geka với ngạnh ống, R 3/4" | 142 | 6.388-455.0 | | ☐ |
| Đầu nối Geka với ngạnh ống, R 1" | 143 | 6.388-465.0 | có ngạnh ống | ☐ |
| Đầu nối Geka với ren trong, R 3/4" | 144 | 6.388-473.0 | có ren cái | ☐ |
| **Bộ lọc hút** | | | | |
| Bộ lọc hút nước | 145 | 6.414-956.0 | Thích hợp cho ao, bể chứa hoặc tương tự, vỏ lọc polyamide, lưới lọc bằng thép không gỉ, lưới 800 µm, kết nối R 3/4" và R 1", không có van một chiều | ☐ |
| Bộ lọc hút với van một chiều | 146 | 4.730-012.0 | Bộ lọc hút bằng đồng thau thích hợp cho ao, bể chứa, vv có van một chiều. | ☐ |
| **Bộ lọc nước có mắt lưới mịn** | | | | |
| Bộ lọc nước phổ thông | 147 | 2.637-020.0 | Bộ lọc nước tốt, kích thước mắt lưới 25 µm. Nhiệt độ tối đa 50 ° C. Bảo vệ máy khỏi các hạt bụi bẩn nhỏ trong nước. Lượng nước lên đến 1200 l / h. Kết nối 3/4 ", với bộ chuyển đổi 1". | ☐ |
| Bộ lọc nước lưới mịn, với bộ chuyển đổi | 148 | 4.730-102.0 | Bộ lọc nước lưới mịn, 125 µm, tối đa. nhiệt độ 50°C. Bảo vệ máy phun rửa áp lực cao khỏi các chất bẩn có trong nước. Tốc độ dòng nước lên đến 1200 l/h. Đầu nối 3/4", với bộ chuyển 1". | ☐ |
| **Ống cấp nước** | | | | |
| Ống cấp nước | 149 | 4.440-038.0 | NW 13 R1" / R 3/4", lên đến 30°C | ☐ |
| | 150 | 4.440-207.0 | NW 19 R1" / R 3/4", lên đến 85°C, để tăng tốc | ☐ |
| **BÀN CHẢI CỌ RỬA** | | | | |
| **Bàn chải tiền** | | | | |
| Bàn chải rửa đẩy | 151 | 4.113-001.0 | Để làm sạch tổng quát của tất cả các bề mặt. Kẹp trực tiếp vào vòi phun. Kết nối M 18 × 1.5 | ☐ |
| **Bàn chải xoay** | | | | |
| Bàn chải rửa xoay cho máy <800 l/h, lông nylon | 152 | 4.113-004.0 | Bàn chải rửa xoay nhẹ nhàng loại bỏ bụi mịn và màng lưu thông trên mọi bề mặt. Chịu nhiệt độ lên đến 60°C. (M 18 × 1.5, chèn bàn chải có thể thay thế). | ☐ |
| Bàn chải rửa xoay cho máy >800 l/h, lông tự nhiên | 153 | 4.113-003.0 | Được vận hành bởi dòng nước. Nhẹ nhàng loại bỏ bụi mịn và màng lưu thông khỏi bất kỳ bề mặt nào. Chịu nhiệt độ lên đến 60°C, M 18 × 1.5 (chèn bàn chải có thể thay thế). | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng